

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/07/2020

V/v: *Không công nhận vợ chồng giữa  
chị H và anh L*

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Toan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Ngọc Giới

Ông Nguyễn Xuân Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Hương Giang- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:**  
Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày -29 tháng 07 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:274/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc “Không công nhận vợ chồng, con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:72/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Thọ Ninh, xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Triệu Đức Lai, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Hồng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Chị H, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2020, chị Nguyễn Thị H trình bày trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai:

Tháng 10/2007 chị và anh Triệu Đức L về chung sống với nhau, hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cưới xong chị về chung sống với anh L ở thôn Vĩnh Hồng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam. Tuy nhiên, kể từ tháng 5/2017, giữa chị và anh L đã nảy sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng thường xuyên hơn, trầm trọng hơn trong suốt

quá trình chung sống. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau, sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh L không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh L là vợ chồng.

\* *Về con chung*:Chị và anh L có 2 con chung: Nguyễn Văn M sinh ngày 04/9/2008, Nguyễn Thị Q sinh ngày 04/3/2010, hiện đang ở với anh L, nay ly hôn chị nhất trí để anh L trực tiếp nuôi 2 con và chị cấp dưỡng 2.000.000đ/1 tháng/2 con kể từ tháng 08/2020 đến khi các con trưởng thành.

\* *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*:Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn là anh Triệu Đức Lai trình bày trong biên bản lấy lời khai: Tháng 10/2007 anh và chị H về chung sống với nhau ở thôn Vĩnh Hồng, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2017, anh và chị H xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến anh và chị H không quan tâm gì đến nhau và cũng chấm dứt mọi quan hệ từ khi xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị H, anh hoàn toàn nhất trí.

\* *Về con chung*:Anh và chị H có 2 con chung: Nguyễn Văn M sinh ngày 04/9/2008, Nguyễn Thị Q sinh ngày 04/3/2010, hiện đang ở với anh, các cháu phát triển bình thường. Nay ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con và nhất trí mức cấp dưỡng chị H đưa ra trên.

\* *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án thực hiện nghiêm theo trình tự quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS, đề nghị HĐXX xét xử vụ án và áp dụng Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147; Điều 165; Điều 227; Điều 235; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

**1. Về quan hệ vợ chồng**: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Đức L là vợ chồng.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cho anh Triệu Đức L trực tiếp nuôi Nguyễn Văn M sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Thị Q sinh ngày 04/3/2010. Chị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng/ 2 con (1.000.000đ/1 tháng/ 1 con) kể từ tháng 08/2020 đến khi các con trưởng thành.

Sau khi ly hôn chị H được thăm nom con, anh L không được cản trở chị H thực hiện quyền này.

**3. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.**

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho chị H, anh L hợp lệ. Nhưng chị H, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 BLTTDS HĐXX đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[3] *Về nội dung vụ án:*

*\* Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Đức L về chung sống với nhau từ tháng 10/2007. Trước khi về chung sống hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù có 2 con chung nhưng tình cảm giữa chị H và anh L vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Từ tháng 5/2017 giữa chị H và anh L luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, từ đó chị H và anh L không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, chị H và anh L đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau, sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị H đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh L không là vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị H và anh L không còn nên tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị H và anh L. Xét như vậy là phù hợp với Điều 14; 15; 53 Luật hôn nhân và gia đình.

*\* Về nuôi con chung:* Chị H và anh L có 2 con chung: Nguyễn Văn M sinh ngày 04/9/2008, Nguyễn Thị Q sinh ngày 04/3/2010, hiện đang ở với anh L, các cháu phát triển bình thường. Nay ly hôn chị H và anh L đều thỏa thuận để anh L trực tiếp nuôi cả 2 con và chị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng/2 con (mỗi con 1.000.000đ/1 tháng) kể từ tháng 08/2020 đến khi các cháu trưởng thành. Xét thấy các đương sự thỏa thuận với nhau phù hợp với nguyện vọng của 2 cháu M, cháu Q và phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Sau khi ly hôn anh L không được cản trở chị H thăm nom con. Xét thấy là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

*Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Cả chị H và anh L đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.00đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147; Điều 165; Điều 227; Điều 235; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

**1. Về quan hệ vợ chồng:** Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Đức Lai là vợ chồng.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cho anh Triệu Đức L trực tiếp nuôi Nguyễn Văn M sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Thị Q sinh ngày 04/3/2010. Chị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng/ 2 con (1.000.000đ/1 tháng/ 1 con) kể từ tháng 08/2020 đến khi các con trưởng thành.

Sau khi ly hôn chị H được thăm nom con, anh L không được cản trở chị H thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam theo biên lai thu số AA/2017/0004832 ngày 19/6/2020. Chị H còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6, 7, 7<sup>a</sup>, 7<sup>b</sup> và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm./

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Lục Sơn, huyện Lục Nam
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Toàn**

